

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		251.407.863.952	228.680.870.944
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.209.579.589	18.666.828.095
1.	Tiền	111		14.209.579.589	8.666.828.095
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.066.226.849	37.730.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	42.066.226.849	37.730.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.510.530.176	98.227.095.706
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.827.282.689	38.792.591.532
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	71.482.649.331	19.855.660.737
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		322.000.000	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	6.913.200.000	4.000.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	12.030.481.937	35.643.927.218
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(65.083.781)	(65.083.781)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		98.307.588.913	73.123.722.837
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	98.307.588.913	73.123.722.837
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.313.938.425	933.224.306
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	19.242.362	52.953.058
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.157.568.856	813.507.499
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		137.127.207	66.763.749
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.475.566.333	133.729.415.521
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		28.205.000.000	28.280.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	400.000.000	475.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	27.805.000.000	27.805.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		55.891.267.711	54.736.610.326
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	55.891.267.711	54.736.610.326
	<i>Nguyên giá</i>	222		66.060.984.243	60.869.838.941
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.169.716.532)	(6.133.228.615)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230			
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		14.693.201.210	12.429.519.786
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	14.693.201.210	12.429.519.786
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		36.653.165.081	38.044.619.991
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	20.058.165.081	25.819.619.991
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	16.595.000.000	12.225.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.032.932.331	238.665.418
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.032.932.331	65.539.324
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	173.126.094
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		387.883.430.285	362.410.286.465

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		189.949.210.984	166.076.833.297
I.	Nợ ngắn hạn	310		169.781.224.965	141.190.512.153
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	7.543.229.215	22.924.479.029
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.016.210.993	2.330.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.874.239.066	4.469.384.754
4.	Phải trả người lao động	314		41.626.337	449.279.711
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	54.388.895	114.500.770
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	15.210.836.677	10.436.527.730
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	139.040.693.782	100.466.340.159
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		20.167.986.019	24.886.321.144
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	40.159.125
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	20.167.986.019	24.846.162.019
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

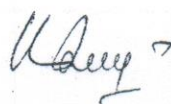
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
D -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.934.219.300	196.333.453.168
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	197.934.219.300	196.333.453.168
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
-	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		13.016.767.239	633.993.682
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.743.844.464	27.045.751.600
-	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>777.665.618</i>	<i>14.821.476.463</i>
-	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>13.966.178.846</i>	<i>12.224.275.137</i>
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20.173.607.597	18.653.707.886
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		387.883.430.284	362.410.286.465

Người lập biểu



Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng



Chủ Đình Dũng

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Lũy kế Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Lũy kế Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	91.736.224.057	243.763.024.122	69.224.268.317	179.093.604.334
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.736.224.057	243.763.024.122	69.224.268.317	179.093.604.334
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85.438.138.920	223.513.415.796	63.997.101.311	160.597.952.576
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.298.085.137	20.249.608.326	5.227.167.006	18.495.651.758
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.210.906.553	12.896.530.332	1.271.862.245	3.080.825.879
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	1.312.628.075	6.942.728.114	627.382.793	4.971.841.002
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.258.563.575</i>	<i>6.812.204.696</i>	<i>558.432.956</i>	<i>4.822.453.739</i>
8.	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			41.037.965	41.037.965	-90.185.949	38.636.139
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.821.032.333	3.636.562.897	747.197.751	2.123.354.700
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	896.720.146	3.357.708.592	1.470.435.410	4.133.646.617
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.519.649.101	19.250.177.020	3.563.827.348	10.386.271.457
12.	Thu nhập khác	31	VI.7	1.208.761.239	1.208.762.269	1.210.390.959	9.035.542.845
13.	Chi phí khác	32	VI.8	1.411.338.218	1.722.412.794	1.905.636.691	2.139.255.519
14.	Lợi nhuận khác	40		(202.576.979)	(513.650.525)	(695.245.732)	6.896.287.326
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.317.072.122	18.736.526.495	2.868.581.616	17.282.558.783
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		958.599.354	3.250.447.938	610.823.710	3.534.944.993
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-	101.926.291	(32.611.241)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.358.472.768	15.486.078.557	2.155.831.615	13.780.225.031
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ				13.966.178.846		12.224.275.137
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát				1.519.899.711		1.555.949.894
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	931	-	815
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	931	-	815

Người lập biểu

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

Chủ Đình Dũng

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Mai Anh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		18.736.526.495	17.282.558.783
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.036.487.917	3.293.396.736
-	Các khoản dự phòng	03			18.595.366
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		79.712.130	65.310.662
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-11.231.973.863	-1.830.299.098
-	Chi phí lãi vay	06		6.812.204.696	4.822.453.739
-	Các khoản điều chỉnh khác	07			
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.432.957.375	23.652.016.188
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.077.253.152	5.828.588.517
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-25.183.866.076	-40.479.378.555
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		-39.794.334.921	21.718.736.847
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		933.682.311	76.145.303
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		3.730.000.000	
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-6.806.798.758	-4.805.437.276
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-4.323.322.045	-1.640.961.423
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-50.934.428.962	4.349.709.601
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-1.154.657.385	-21.738.505.581
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.208.759.508	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-37.980.000.000	-44.730.000.000
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.995.000.000	7.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-4.700.000.000	-12.025.137.200
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.890.000.000	21.228.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.168.019.815	1.788.545.426
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.427.121.938	-48.477.097.355

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			675.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền thu từ đi vay	33		313.701.864.649	245.189.715.455
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-273.651.806.131	-184.929.087.205
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.050.058.518	60.935.628.250
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		-4.457.248.506	16.808.240.496
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.666.828.095	1.858.587.599
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	14.209.579.589	18.666.828.095

Người lập biểu

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

Chử Đình Dũng

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thuê gia công và bán mù cao su sơ chế, kinh doanh hàng hóa (gạch, than, điều,...).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và hai công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Số 494, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Sản xuất và kinh doanh gạch	54,8%	54,8%	54,8%	54,8%
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Khu đôi Gộc, thôn Nội, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất và kinh doanh gạch	66,68%	63,89%	66,68%	63,89%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần gốm sứ Haceco	Khu 8, xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	22,38%	22,38%	22,38%	22,38%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 140 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 140 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.271.814.158	3.834.103.153
Tiền gửi ngân hàng	11.937.765.431	4.832.724.942
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		10.000.000.000
Cộng	<u>14.209.579.589</u>	<u>18.666.828.095</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn dưới 12 tháng, có giá gốc bằng giá trị ghi sổ.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2017 ngày 29 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiền tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh V.18).

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Mai Anh Tám - Chủ tịch HĐQT	15.981.226.849	27.545.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung - Nhân viên	12.000.000.000	9.270.000.000
Ông Nguyễn Viết Giáp - Nhân viên	4.000.000.000	700.000.000
Bà Bùi Minh Hằng - Nhân viên	8.870.000.000	
Công ty Cổ phần Create Capital	1.000.000.000	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	215.000.000	215.000.000
Cộng	<u>42.066.226.849</u>	<u>37.730.000.000</u>

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

<u>Công ty Cổ phần Gốm sứ Haceco ⁽ⁱ⁾</u>	<u>Công ty Cổ phần Mai Sơn ⁽ⁱⁱ⁾</u>	<u>Cộng</u>
---	--	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm			
Giá gốc	20.000.000.000	5.800.000.000	25.800.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	19.556.448	63.543	19.619.991
Cộng	20.019.556.448	5.800.063.543	25.819.619.991
Số cuối kỳ			
Giá gốc	20.000.000.000		20.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	58.165.081		58.165.081
Cộng	20.058.165.081		20.058.165.081

(i) Theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 27 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn nhận chuyển nhượng 1.350.000 cổ phần, tương đương 22,5% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Gốm sứ Haceco với tổng giá trị chuyển nhượng là 20.000.000.000 VND từ ông Mai Anh Tám. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn sở hữu 22,38% tổng số vốn thực góp của Công ty Cổ phần Gốm sứ Haceco (vốn thực góp của Công ty Cổ phần Gốm sứ Haceco tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 60.330.000.000 VND).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500554862 ngày 14 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Mai Sơn 5.800.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Trong kỳ, Tập đoàn đã chuyển nhượng lại toàn bộ số cổ phần trên cho bà Trần Thị Nguyên với tổng giá trị chuyển nhượng là 5.800.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Gốm sứ Haceco	Công ty Cổ phần Mai Sơn	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	20.019.556.448	5.800.063.543	25.819.619.991
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	38.608.633		38.608.633
Giá trị phần chuyển nhượng		(5.800.000.000)	(5.800.000.000)
Các khoản khác		(63.543)	(63.543)
Giá trị phần sở hữu cuối kỳ	20.058.165.081		20.058.165.081

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gốm sứ Haceco		
Doanh thu bán hàng hóa	2.015.340.943	6.764.593.970
Chi phí mua hàng hóa	438.900.000	

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6.625.000.000		6.625.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Trường Sơn (iv)	7.500.000.000		5.600.000.000	
Trái phiếu Ngân hàng	2.470.000.000			
Cộng	16.595.000.000		12.225.000.000	

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600279149-001 thay đổi lần thứ 4 ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch 7.600.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/2016/HĐCNVG ngày 01 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã chuyển nhượng phần vốn góp trị giá 975.000.000 VND cho ông Nguyễn Ngọc Khánh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch 6.625.000.000 VND tương đương 17,43% vốn thực góp.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400227075 thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Trường Sơn 7.500.000.000 VND, tương đương 18,75% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Trường Sơn số tiền 1.900.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan		8.421.411.680
Công ty TNHH Trường Sơn		8.421.411.680
Phải thu các khách hàng khác	4.827.282.689	30.371.179.852
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	3.169.917.531	13.880.028.144
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội		
Công ty Cổ phần MFO Việt Nam		2.968.246.600
R1 International Ple Ltd		6.604.014.375
Công ty Cổ phần Chế độ máy Tuấn Việt	341.121.380	3.591.089.175
Công ty CP đầu tư xây dựng Hải Hoàng	335.720.000	
Các khách hàng khác	980.523.778	3.327.801.558
Cộng	4.827.282.689	38.792.591.532

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	17.947.716.484	2.120.310.800
Phạm Văn Lộc	16.598.338.521	2.035.332.715
Công ty Cổ phần Cao Su Hiệp Hưng	1.349.377.963	84.978.085
Trả trước cho người bán khác	54.231.274.837	17.735.349.937
Võ Thị Ngọc Bích ^(*)	606.201.932	3.388.438.494
Doãn Thị Thảo ^(*)	11.454.077.521	2.620.426.569
Võ Thị Thiệp ^(*)	4.319.636.620	2.214.488.992

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vũ Thị Toan ^(*)	7.445.881.017	1.699.998.817
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Tuấn Việt	24.856.000	2.039.346.000
Nguyễn Văn Đương ^(*)	5.930.608.500	
Phạm Thị Thành ^(*)	3.499.999.898	
Trương Quang Hùng ^(*)	5.955.330.240	
Công ty TNHH Giấy An Lộc	8.064.786.603	
Trả trước cho người bán khác	6.353.554.516	5.772.651.065
Cộng	<u>71.482.649.331</u>	<u>19.855.660.737</u>

(*) Theo hợp đồng mua mủ cao su với các cá nhân, Công ty sẽ phải thanh toán trước giá trị lô hàng ngay sau khi thống nhất đơn giá mua bán.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Văn Hào		4.000.000.000
Bà Hà Thị Hiến ⁽ⁱ⁾	6.913.200.000	
Cộng	<u>6.913.200.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

(i) Khoản cho vay bà Hà Thị Hiến theo hợp đồng vay số 02/2018/HĐV ngày 15 tháng 10 năm 2018, lãi suất cho vay 15%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng Môi Trường Đại Phát vay ⁽ⁱ⁾	400.000.000	475.000.000

(i) Theo Thỏa thuận ngày 26 tháng 07 năm 2017, Tập đoàn góp vốn hợp tác với Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng Môi Trường Đại Phát để đầu tư thực hiện dự án “Cấp nhiệt cho hệ thống sấy cao su thay thế nhiên liệu dầu DO tại nhà máy chế biến cao su Hiệp Hưng tại xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum” với tổng số vốn góp là 500.000.000 VND. Thời gian hợp tác tính từ ngày Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng Môi Trường Đại Phát nhận đủ số tiền góp vốn của Tập đoàn cho đến hết vòng đời của dự án. Tập đoàn được hoàn trả gốc dần trong 60 tháng và được chia đều trong 20 quý, tương ứng số tiền 25.000.000 VND/quý và sẽ được trả lãi với lãi suất là 10% trên dư nợ giảm dần. Khoản góp vốn này được trình bày ở chi tiêu “Phải thu về cho vay dài hạn” dựa trên tính chất của nghiệp vụ là hưởng lãi suất cố định.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	1.390.852.222		19.551.621.097	
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội			16.050.000.000	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội - Tiền lãi vay			111.000.000	
Ông Mai Anh Tám - tiền tạm ứng			2.750.000.000	
Lãi tiền gửi tiết kiệm theo hợp đồng ủy thác	1.390.852.222		640.621.097	

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Mai Anh Tâm	292.604.723		640.621.097	
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung	938.383.333			
Bà Bùi Minh Hằng	105.430.833			
Ông Nguyễn Việt Giáp	54.433.333			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.639.629.715		16.092.306.121	
Ông Mai Văn Thế - tiền tạm ứng			2.200.000.000	
Ông Nguyễn Anh Tuấn - tiền tạm ứng			4.000.000.000	
Tạm ứng			801.430.000	
Lãi dự thu			32.803.219	
Giá trị bồi thường dự án Bắc Duy Tân			9.021.072.902	
Lãi tiền cho vay Bà Hà Thị Hiến	253.726.000			
Phải thu gốc lãi Ông Tạ Quang Mạnh	5.061.595.111		37.000.000	
Tạm ứng Lê Quang Thạch	5.000.000.000			
Cộng	12.030.481.937		35.643.927.218	

- (i) Khoản cho vay bà Hà Thị Hiến theo hợp đồng vay số 02/2018/HĐV ngày 15 tháng 10 năm 2018, lãi suất cho vay 15%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Kiến trúc Đô Thị Nam Thăng Long	27.805.000.000	27.805.000.00

Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô Thị Nam Thăng Long theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 02 tháng 4 năm 2011 và Phục lục hợp đồng số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 15 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long để đầu tư thực hiện dự án “Xây dựng chức năng hỗn hợp dịch vụ công cộng Nhà trẻ và nhà ở căn hộ, diện tích đất lập dự án là 3.912 m²; diện tích sân đường nội bộ, bãi đỗ xe, cây xanh 2.770 m²; diện tích xây dựng nhà chung cư cao tầng 1.192 m², mật độ xây dựng 30,47 m², tổng diện tích sân 36.080 m², tầng cao công trình 28 tầng, 01 tầng hầm, 01 tầng áp mái” tại thôn Ngọc Nại, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội với tổng số vốn góp là 27.805.000.000 VND. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm. Tập đoàn được hưởng 20% trên lợi nhuận sau thuế của dự án kinh doanh kể từ khi phát sinh doanh thu bán căn hộ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, dự án đang hoàn thiện và mở bán căn hộ.

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Vật liệu nhẹ Thăng Long	Từ 2 năm đến 3 năm	92.976.830	27.893.049	Từ 2 năm đến 3 năm	92.976.830	27.893.049

Trong kỳ, Công ty không phát sinh trích lập/ hoàn nhập dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	62.973.612.071		11.591.345.621	

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	129.391.613		38.276.837	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.551.525.414		18.772.915.509	
Thành phẩm (cao su, gạch)	14.901.669.304		26.409.244.250	
Hàng hóa (gạch, thép, tôn, sơn, than)	6.751.390.511		16.311.940.620	
Cộng	98.307.588.913		73.123.722.837	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	2.661.950	40.336.365
Chi phí bảo hiểm	16.580.411	
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác		12.616.693
Cộng	19.242.362	52.953.058

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	12.253.276	65.539.324
Chi phí chào sàn	399.952.632	
Chi phí sửa chữa	620.726.423	
Cộng	1.032.932.331	65.539.324

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	26.563.238.326	33.057.217.887	1.249.382.728	60.869.838.941
Mua trong kỳ	2.980.230.761	1.592.732.723	618.181.818	5.191.145.302
Số cuối năm	29.543.469.087	34.649.950.610	1.867.564.546	66.060.984.243
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Chờ thanh lý				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.795.860.095	2.986.829.820	350.538.700	6.133.228.615
Khấu hao trong kỳ	1.262.782.161	2.457.815.367	315.890.389	4.036.487.917
Số cuối năm	4.058.642.256	5.444.645.187	666.429.089	10.169.716.532
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	23.767.378.231	30.070.388.067	898.844.028	54.736.610.326
Số cuối năm	25.484.826.831	29.205.305.423	1.201.135.457	55.891.267.711
<i>Trong đó:</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Tạm thời chưa sử dụng				
Đang chờ thanh lý				
Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.352.271.547 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.				

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	11.894.958.170	4.916.149.003		11.391.480.173
Mua chung cư văn phòng tại Hà Nội ⁽ⁱ⁾	1.208.758.478	33.342.000	1.242.100.478	
Nhà máy Gạch Tuynel tại xã Kroong, Kontum ⁽ⁱⁱ⁾	10.686.199.692	3.981.082.501		11.391.480.173
Sửa chữa lớn tài sản cố định	534.561.616			3.301.721.037
Cộng	12.429.519.786	4.916.149.003		14.693.201.210

(i) Chi phí mua chung cư văn phòng tại Hà Nội, số phát sinh thêm trong kỳ là chi phí hoàn thiện căn hộ, số tiền 33.342.000 VND. Đã ghi nhận TSCĐ trong kỳ và chuyển nhượng cho Ông Lê Thành Nhân với giá 1.208.758.478 VND

(ii) Tập đoàn thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy gạch Tuynel công nghệ mới theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000160 được cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Tập đoàn đã thế chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang này để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kontum (xem thuyết minh V.18).

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ giao dịch nội bộ Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	173.126.094	146.284.545
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(173.126.094)	26.841.549
Số cuối kỳ		173.126.094

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		292.753.139
Công ty Cổ phần Phụ gia bê tông Phả Lại		292.753.139
Phải trả các nhà cung cấp khác	7.543.229.215	22.631.725.890
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Tuấn Việt		5.971.993.318
Công ty TNHH Thương mại và Sản Xuất Sơn Đạt	1.184.152.110	300.335.750
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HD Thành Đạt		1.101.813.075
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hồng Trường		3.300.014.960
Công ty Cổ phần Cầu Đuống	1.189.300.000	1.389.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	219.467.319	4.431.832.849
Các nhà cung cấp khác	4.950.309.786	6.136.435.938
Cộng	7.543.229.215	22.924.479.029

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Trường Sơn ⁽ⁱ⁾	2.258.773.993	2.330.000.000
Công ty TNHH Vạn Lợi	1.435.000.000	
Các khách hàng khác	322.437.000	
Cộng	4.016.210.993	2.330.000.000

(i) Số dư cuối kỳ là khoản ứng trước cho Công ty theo hợp đồng số 15/2017/HĐKT/CRC- TS về việc cung cấp hệ thống lò quay công suất lớn tại Đình, Yên Mông, Hòa Bình.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy gạch tại Kontum, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2019, miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Tập đoàn đã được miễn thuế 04 năm từ năm 2006 đến năm 2009, giảm 50% trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2018.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Ông Mai Anh Tâm		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		10.436.527.730

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	182.743.729	182.743.729
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	20.807.658	67.571.201
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.007.285.290	
Ông Nguyễn Tiến Hoàng ⁽ⁱ⁾		1.535.850.000
Ông Nguyễn Hoàng Phương ⁽ⁱⁱ⁾		5.302.500.000
Ông Nguyễn Anh Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾		1.847.862.800
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum - Tiền ứng hợp tác liên danh		1.500.000.000
Phải trả khác		1.500.000.000
Cộng	<u>15.210.836.677</u>	<u>10.436.527.730</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

- (i) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2017/HĐCNCP/CRC-HOANG ngày 12 tháng 7 năm 2017, Tập đoàn chuyển nhượng 225.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum cho ông Nguyễn Tiến Hoàng với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.700.000.000 VND. Tập đoàn sẽ thực hiện thủ tục sang tên và chứng nhận sở hữu cổ phần sau khi ông Nguyễn Tiến Hoàng thanh toán hết số tiền chuyển nhượng. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Tiến Hoàng mới chỉ thanh toán được số tiền chuyển nhượng là 1.535.850.000 VND nên chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Theo biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30 tháng 3 năm 2018 hai bên thống nhất không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Trong kỳ đơn vị đã thực hiện chuyển trả lại tiền cho ông Nguyễn Tiến Hoàng.
- (ii) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2017/HĐCNCP/CRC-PHUONG ngày 26 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn chuyển nhượng 750.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum cho ông Nguyễn Hoàng Phương với tổng giá trị chuyển nhượng là 9.000.000.000 VND. Tập đoàn sẽ thực hiện thủ tục sang tên và chuyển giao quyền sở hữu cổ phần sau khi ông Nguyễn Hoàng Phương thanh toán hết số tiền chuyển nhượng. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Hoàng Phương mới chỉ thanh toán được số tiền chuyển nhượng là 5.302.500.000 VND nên chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Theo biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30 tháng 3 năm 2018 hai bên thống nhất không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Trong kỳ đơn vị đã thực hiện chuyển trả lại tiền cho ông Nguyễn Hoàng Phương.
- (iii) Theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/HĐCN ngày 01 tháng 8 năm 2017 và phụ lục hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/HĐCN ngày 03 tháng 8 năm 2017, Tập đoàn nhận chuyển nhượng 3.570.000.000 VND tại Công ty TNHH Trường Sơn từ ông Nguyễn Anh Sơn. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, hai bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, tuy nhiên Tập đoàn vẫn chưa thanh toán hết tiền chuyển nhượng cho ông Nguyễn Anh Sơn. Số tiền chuyển nhượng còn phải trả là 1.847.862.800 VND. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chuyển nốt số tiền cho ông Nguyễn Anh Sơn.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	134.362.517.782	95.988.164.159
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân		19.355.227.062
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi	2.812.085.681	6.788.123.510

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
nhánh Phúc Yên ⁽ⁱ⁾		
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 1		1.679.323.756
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	59.484.747.499	42.653.810.532
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kontum ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.245.812.420	3.342.563.117
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình ^(iv)	66.818.872.182	22.169.116.182
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	4.678.176.000	4.478.176.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	1.353.856.000	1.353.856.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kontum	2.600.000.000	2.400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	724.320.000	724.320.000
Cộng	<u>139.040.693.782</u>	<u>100.466.340.159</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTĐ/NHC260-GACHVINHPHUC ngày 17 tháng 07 năm 2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 03/2016-VBSDHDTD ngày 04 tháng 01 năm 2017 với hạn mức cho vay 9.000.000.000 VND trong thời hạn từ ngày 15 tháng 07 năm 2016 đến ngày 15 tháng 07 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số TSCĐ hữu hình của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.10).

(ii) Khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng sổ tiết kiệm của Công ty ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh Dung, bà Bùi Minh Hằng đứng tên, tài sản thế chấp 2 ô tô Ford Ranger và 1 ô tô Toyota Yaris của Công ty.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kontum theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/666331/HDTD ngày 29 tháng 12 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng của hợp đồng là 5.800.000.000 VND, thời gian cấp hạn mức là 12 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 năm 12 năm 2018, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định của Tập đoàn và hợp đồng tiền gửi số 130117/HĐTĐ ngày 12 tháng 01 năm 2017 trị giá 215.000.000 VND.

(iv) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng sổ tiết kiệm của Công ty ủy quyền cho ông Mai Anh Tám và quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám và hợp đồng tiền gửi số 01/2017/8353501/HĐTĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 trị giá 1.000.000.000 VND của Tập đoàn.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sở giao dịch 1 ^(v)	1.448.640.000	2.172.960.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi	2.707.712.000	4.061.568.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
nhánh Phúc Yên ^(vi)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kontum ^(vii)	16.011.634.019	18.611.634.019
Cộng	<u>20.167.986.019</u>	<u>24.846.162.019</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 để mua xe ô tô với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vi) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng số 01/2016 - HDDTDDDA/NHC260-CTGNVP ngày 20 tháng 10 năm 2016 với hạn mức cho vay 7.000.000.000 VND thời hạn từ ngày 20 tháng 10 năm 2016 đến ngày 19 tháng 10 năm 2021 để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy sản xuất gạch.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kontum theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/666331/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2015 trong thời hạn 120 tháng với hạn mức tín dụng 24.000.000.000 VND, lãi suất vay 9% trong kỳ đầu tiên và lãi suất thỏa thuận, điều chỉnh 6 tháng/ 1 lần trong thời gian tiếp theo. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai là Dự án xây dựng nhà máy gạch Kroong.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.678.176.000	4.478.176.000
Trên 1 năm đến 5 năm	20.167.986.019	24.846.162.019
Cộng	<u>24.846.156.019</u>	<u>29.324.338.019</u>

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	150.000.000.000	633.963.151	16.444.056.846	14.788.244.631	181.866.264.628
Lợi nhuận trong kỳ trước			1.555.949.894	12.224.275.137	13.780.225.031
Thay đổi lợi ích tại công ty con		30.531	(21.298.854)	21.268.323	
Thay đổi lợi ích tại công ty liên kết				11.963.509	11.963.509
Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong kỳ			675.000.000		675.000.000
Số dư cuối kỳ trước	<u>150.000.000.000</u>	<u>633.993.682</u>	<u>18.653.707.886</u>	<u>27.045.751.600</u>	<u>196.333.453.168</u>
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	633.993.682	18.653.707.886	27.045.751.600	196.333.453.168
Trích lập các quỹ trong kỳ		12.382.773.557		(12.382.773.557)	
Lợi nhuận trong kỳ nay			1.519.899.711	13.966.178.846	15.486.078.557
Chia cổ tức				(13.885.248.882)	(13.885.248.882)
Giảm do thoái vốn tại công ty liên kết				(63.543)	(63.543)
Số cuối năm nay	<u>150.000.000.000</u>	<u>13.016.767.239</u>	<u>20.173.607.597</u>	<u>14.743.844.464</u>	<u>197.934.219.300</u>

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Mai Anh Tám	15.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	135.000.000.000	135.000.000.000
Cộng	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 510.727,03 USD (số đầu năm là 2.288,43 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý IV</u> <u>Năm nay</u>
Doanh thu bán hàng hóa	54.110.023.625
Doanh thu bán thành phẩm	34.355.197.789
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	3.161.911.735
Doanh thu cho thuê tài sản	109.090.908
Cộng	<u>91.736.224.057</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH Trường Sơn, chi tiết như sau:

	<u>Quý IV</u> <u>Năm nay</u>
Công ty TNHH Trường Sơn	
Xây dựng lò dự án Trường Sơn	3.161.911.735

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý IV</u> <u>Năm nay</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	53.005.098.995
Giá vốn của thành phẩm đã bán	29.266.236.913
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	3.157.712.102

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý IV
	Năm nay
Giá vốn cho thuê tài sản	9.090.910
Cộng	85.438.138.920

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV
	Năm nay
Lãi tiền gửi	722.477.700
Lãi tiền cho vay	479.215.103
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.213.750
Cộng	1.210.906.553

4. Chi phí tài chính

	Quý IV
	Năm nay
Chi phí lãi vay	1.258.563.575
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	54.064.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	
Cộng	1.312.628.075

5. Chi phí bán hàng

	Quý IV
	Năm nay
Chi phí nhân viên	3.602.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.770.583.833
Chi phí bằng tiền khác	46.864.000
Cộng	1.821.032.333

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV
	Năm nay
Chi phí cho nhân viên	428.172.383
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.775.747
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.357.296
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000
Các chi phí khác	351.414.720
Cộng	896.720.146

7. Thu nhập khác

	Quý IV
	Năm nay
Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.208.758.478
Thu nhập khác	2.761

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý IV
	Năm nay
Cộng	1.208.761.239

8. Chi phí khác

	Quý IV
	Năm nay
Chi phí khấu hao tài sản tạm dừng sử dụng	
Thuế GTGT không được khấu trừ	
Lãi chậm nộp bảo hiểm	495.304
Phạt vi phạm hợp đồng	127.335.493
Thuế bị phạt, bị truy thu	
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.242.100.478
Các khoản khác	41.406.943
Cộng	1.411.338.218

9. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Quý IV năm 2018</u>
Ông Mai Anh Tám – Chủ tịch HĐQT/ Tổng giám đốc	
Ủy thác gửi tiết kiệm	15.981.226.849
Lãi tiền gửi tiết kiệm ủy thác	283.291.363
Ông Phạm Văn Lộc – Cổ đông công ty	
Mua mủ cao su	18.319.839.250
Tạm ứng mua mủ cao su	23.701.173.368

Cam kết bảo lãnh

Ông Mai Anh Tám dùng quyền sử dụng đất và nhà thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Quý IV năm 2018</u>
Tiền lương	41.900.321

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại
Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội
Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam
Công ty Cổ phần Cao su Hiệp Hưng
Công ty TNHH Trường Sơn

Mối quan hệ

Ông Mai Anh Tám là Chủ tịch HĐQT
Ông Mai Anh Tám là cổ đông góp vốn
Ông Mai Anh Tám là cổ đông góp vốn
Ông Mai Anh Tám là cổ đông góp vốn
Bà Dương Thị Huyền là người đại diện theo pháp luật
Công ty và các cổ đông của Công ty có ảnh hưởng đáng kể

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Công ty TNHH Trường Sơn

Quý IV năm 2018

Doanh thu bán hàng hóa

816.000.000

Doanh thu xây lắp

3.161.911.735

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Quý IV năm 2018

Khu vực nội địa

34.240.618.057

Khu vực nước ngoài

57.495.606.000

Cộng

91.736.224.057

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Việt Giáp

Chữ Đình Dũng

Mai Anh Tám